

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

---

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và  
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**  
Năm 2013

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08).38 205.944–08.38 205.947; Fax: 08.38 205.942



<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>03 – 04</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>05</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013	10 – 11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2013	12 – 30



# CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Trường Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ Phần Trường Phú là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800298748, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 20 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp.

**Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:** Sản xuất và Thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:** Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị điện khác; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, nhôm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi lưu trữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị.

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

### Thông tin về Văn phòng đại diện:

Tên văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Trường Phú

Địa chỉ: Nhà số 10, Khu biệt thự II, Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội.

Mã số văn phòng đại diện: 0123011417 - 000

### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng Quản trị:

Ông Lê Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Văn Trắc	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lương Hoài Nam	Thành viên
Ông Hồ Đức Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên

### Ban Kiểm soát:

Ông Phạm Duy Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên
Bà Bùi Thị Luột	Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lê Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Kế toán trưởng

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

## Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2014

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Lê Thanh Sơn**

Số: 220./BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ Phần Trường Phú

**Kính gửi:** - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Trường Phú  
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Trường Phú

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 kèm theo của Công ty Cổ Phần Trường Phú được lập ngày 15 tháng 02 năm 2014 từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Trường Phú tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2014

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

**Tổng Giám đốc**

**Đỗ Khắc Thanh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

**Kiểm toán viên**

**Đinh Thế Đường**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>582.842.685.901</b>	<b>401.103.826.000</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>91.578.625.074</b>	<b>110.211.578.783</b>
1. Tiền	111	1.1	9.584.625.074	7.665.578.783
2. Các khoản tương đương tiền	112	1.2	81.994.000.000	102.546.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>276.230.416.667</b>	<b>16.962.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		276.230.416.667	16.962.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>3</b>	<b>64.519.686.177</b>	<b>72.921.610.684</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	3.1	55.933.740.015	68.795.023.114
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	700.000.000	2.211.318.902
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	7.885.946.162	1.915.268.668
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4</b>	<b>136.901.066.792</b>	<b>184.347.105.164</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.1	136.901.066.792	184.347.105.164
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>5</b>	<b>13.612.891.191</b>	<b>16.661.531.369</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	7.864.746.761	6.815.481.012
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	129.825.515	4.529.355.521
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	5.618.318.915	5.316.694.836
<b>B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>67.338.453.299</b>	<b>71.364.750.082</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>65.438.016.989</b>	<b>70.313.072.874</b>
<b>1. TSCĐ hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>6</b>	<b>60.075.423.317</b>	<b>65.437.512.638</b>
- Nguyên giá	222		115.248.807.773	112.818.128.491
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.173.384.456)	(47.380.615.853)
<b>3. TSCĐ vô hình</b>	<b>227</b>	<b>7</b>	<b>4.752.151.091</b>	<b>4.875.560.236</b>
- Nguyên giá	228		5.723.202.000	5.767.702.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(971.050.909)	(892.141.764)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>8</b>	<b>610.442.581</b>	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>175.000.000</b>	<b>175.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		175.000.000	175.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>10</b>	<b>1.725.436.310</b>	<b>876.677.208</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.725.436.310	876.677.208
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>650.181.139.200</b>	<b>472.468.576.082</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

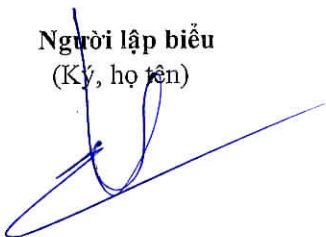
Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>544.663.261.054</b>	<b>367.572.310.132</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>11</b>	<b>544.663.261.054</b>	<b>367.572.310.132</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11.1	188.276.785.336	218.939.050.614
2. Phải trả người bán	312	11.2	341.612.192.333	134.924.470.084
3. Người mua trả tiền trước	313	11.3	9.722.562.025	6.800.970.197
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11.4	80.346.198	4.991.177.993
5. Phải trả người lao động	315	11.5	235.337.456	228.951.010
6. Chi phí phải trả	316	11.6	191.019.150	203.600.670
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11.7	4.368.238.492	1.181.610.300
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	11.8	176.780.064	302.480.064
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học mà công nghệ	339			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>105.517.878.146</b>	<b>104.896.265.950</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>105.517.878.146</b>	<b>104.896.265.950</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Nguồn vốn lưu động chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(75.000.000)	(75.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.327.614.600	3.327.614.600
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.433.657.449	1.433.657.449
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		831.606.097	209.993.901
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>650.181.139.200</b>	<b>472.468.576.082</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại -USD			1,431.19	786.24
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

*KẾ TOÁN TRƯỞNG*  
*Nguyễn Thị Phương Lan*

Lập ngày 15 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Lê Chanh Sơn*





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	1.080.791.864.569	513.767.043.744
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10	15	1.080.791.864.569	513.767.043.744
4. Giá vốn hàng bán	11	16	1.082.905.538.882	505.069.662.606
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(2.113.674.313)	8.697.381.138
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	22.103.858.561	7.541.281.089
7. Chi phí tài chính	22	18	12.837.234.594	11.213.781.673
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.412.549.580	8.979.329.895
8. Chi phí bán hàng	24		1.007.363.183	970.015.730
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.482.761.747	3.772.002.041
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		662.824.724	282.862.783
11. Thu nhập khác	31	19	96.500.468	102.415.314
12. Chi phí khác	32	20	57.366.798	148.453.814
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		39.133.670	(46.038.500)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		701.958.394	236.824.283
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	80.346.198	49.665.756
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		621.612.196	187.158.527
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	62,21	18,73

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Phương Lan*

Lập ngày 15 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Chanh Sơn*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>701.958.394</b>	<b>236.824.283</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	8.197.225.616	9.489.884.384
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	603.849.793	(271.742.049)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.103.840.215)	(6.822.564.330)
- Chi phí lãi vay	06	8.412.549.580	8.979.329.895
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(4.188.256.832)</b>	<b>11.611.732.183</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	12.857.220.413	(18.339.300.663)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	47.446.038.372	(86.785.301.683)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	207.695.446.151	98.666.423.288
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1.898.024.851)	(2.972.860.548)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.412.549.580)	(8.979.329.895)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(63.838.408)	(124.970.136)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	9.052.227.728	7.928.401.268
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(9.556.473.538)	(13.345.216.228)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>252.931.789.455</b>	<b>(12.340.422.414)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.632.809.376)	(960.401.437)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	96.500.000	96.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(521.230.416.667)	(52.117.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	261.962.000.000	35.155.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.007.340.215	6.756.507.174
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(240.797.385.828)</b>	<b>(11.069.394.263)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/phiếu của DN đã p/hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	588.947.793.509	398.315.775.415
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(619.610.058.787)	(280.824.659.856)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(105.472.900)	(2.243.018.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(30.767.738.178)</b>	<b>115.248.097.359</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

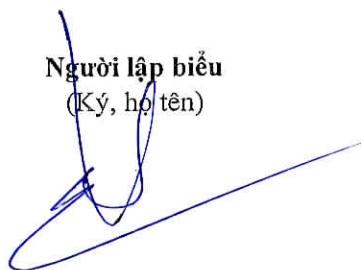
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

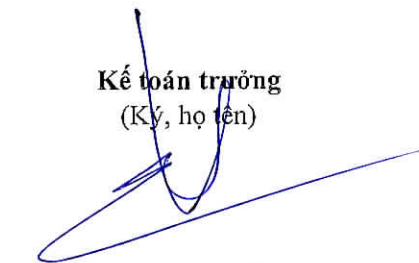
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( 50=20+30+40)	50	(18.633.334.551)	91.838.280.682
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	110.211.578.783	18.384.244.403
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hoái đoái quy đổi ngoại tệ	61	380.842	(10.946.302)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	91.578.625.074	110.211.578.783

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
*Nguyễn Thị Phương Lan*

Lập ngày 15 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)




**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lê Chanh Sơn*



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Trường Phú là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800298748, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 20 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp.

Vốn điều lệ của công ty là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và Thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị điện khác; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, nhôm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi lưu trữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị.

### II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. *Niên độ kế toán* của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:* Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III Chế độ kế toán áp dụng:

1. *Chế độ kế toán áp dụng:* Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. *Hình thức sổ kế toán áp dụng:* Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. *Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển*

1.1 *Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:* Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 *Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:*

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

2. *Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:*

2.1 *Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:*

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.3 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Căn cứ vào khả năng và tình hình tiêu thụ của khách hàng

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Không phát sinh.

**5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Quyết định 1173/QĐ- BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài Chính.

**6. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

**6.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

*Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh*

### 6.2 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

6.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

### 6.3 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

### 7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### 8. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;

- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);

- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

### 9. Nguồn vốn chủ sở hữu:

#### 9.1 Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

### **Ghi nhận cổ tức:**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### **9.2 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

#### **10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### **10.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

#### **10.3 Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

748  
CÔNG TY  
HỮU  
HẠN  
TRƯỜNG PHÚ  
HẢI DƯƠNG

2-C.T.T.N.H.H  
HẠN  
VĂN  
TOÁN  
MINH

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

**V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		
<b>1.1- Tiền</b>	<b>9.584.625.074</b>	<b>7.665.578.783</b>
<b>a. Tiền mặt (VND)</b>	<b>281.915.186</b>	<b>124.224.190</b>
<b>b. Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>9.302.709.888</b>	<b>7.541.354.593</b>
- <b>Tiền gửi ngân hàng (VND)</b>	<b>9.272.570.219</b>	<b>7.524.990.933</b>
- Ngân hàng Agribank- CN Thăng Long		
- Ngân hàng BIDV Hải Dương	4.607.876.403	2.123.337.245
- Ngân hàng NH TMCP Xăng Dầu Petrolimex		3.902.841
- Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Mỹ Đình	487.516	245.593.756
- Ngân hàng SHB Hội Sở	4.877.272	109.145.511
- Ngân hàng Standard Chartered Bank	2.275.895	3.265.895
- Ngân hàng SACOMBANK Hà Nội		2.696.010
- Ngân hàng SEABANK- CN Long Biên	8.306.338	10.040.120
- Ngân hàng Vietinbank- CN Hải Dương	1.245.648	173.822.432
- Ngân hàng Techcombank Chương Dương	530.127.728	4.674.631.944
- Ngân hàng VCB Hải Dương	2.729.179	5.389.879
- Ngân hàng VIB Long Biên	54.908.723	173.165.300
- Ngân hàng Nam Việt- CN Hà Nội	1.773.100	
- Ngân hàng Đại Chúng Việt Nam (PVCom Bank)	4.878.284	
- Ngân hàng VP bank- Hội sở chính Hà Nội	4.053.084.133	
- <b>Tiền gửi ngân hàng (USD)</b>	<b>30.139.669</b>	<b>16.363.660</b>
- Ngân hàng BIDV Hải Dương (# 600.99 USD)	12.656.349	1.904.864
- Ngân hàng PGB Hà Nội		1.765.736
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (# 22.15 USD)	466.461	460.940
- Ngân hàng Sacombank Hà Nội		1.245.986
- Ngân hàng TCB Chương Dương (# 131.16 USD)	2.762.120	854.016
- Ngân hàng Vietinbank Hải Dương (# 203.16 USD)	4.278.380	
- Ngân hàng VCB Hải Dương (# 300.00 USD)	6.317.750	6.244.500
- Ngân hàng VIB Long Biên (# 173.73 USD)	3.658.609	3.887.618
<b>1.2- Các khoản tương đương tiền</b>	<b>81.994.000.000</b>	<b>102.546.000.000</b>
- Tiền gửi dưới 03 tháng tại NH Nam Việt- CN Hà Nội	39.179.000.000	
- Tiền gửi dưới 03 tháng tại NH Đại Chúng Việt Nam (PVCom Bank)	3.830.000.000	
- Tiền gửi dưới 03 tháng tại NH SHB - Hội sở chính	7.085.000.000	
- Tiền gửi dưới 03 tháng tại NH Vietinbank Hải Dương		31.950.000.000
- Tiền gửi dưới 03 tháng tại NH Techcombank	31.900.000.000	64.996.000.000
- Tiền gửi dưới 03 tháng tại NH Seabank- Long biên		3.500.000.000
- Tiền gửi dưới 03 tháng tại NH TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình		2.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>91.578.625.074</b>	<b>110.211.578.783</b>
<b>2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>2.1- Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>276.230.416.667</b>	<b>16.962.000.000</b>
- Tiền gửi trên 03 tháng tại NH BIDV Hải Dương	35.300.000.000	2.512.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

- Tiền gửi trên 03 tháng tại NH SHB - Hội sở chính	23.500.000.000	
- Tiền gửi trên 03 tháng tại NH Vietinbank	57.330.416.667	6.300.000.000
- Tiền gửi trên 03 tháng tại NH VP bank- Hội sở chính Hà Nội	45.000.000.000	
- Tiền gửi trên 03 tháng tại NH MB Mỹ Đình		1.550.000.000
- Tiền gửi trên 03 tháng tại NH Techcombank	115.100.000.000	6.600.000.000

**2.2-Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	-	
<b>Cộng</b>	<b>276.230.416.667</b>	<b>16.962.000.000</b>

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN****3.1- Phải thu khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>3.1- Phải thu khách hàng</b>	<b>55.933.740.015</b>	<b>68.795.023.114</b>
- Chi nhánh Công ty CP Xây dựng số 1 - Cofico	262.914.357	606.900.236
- Công ty CP Cơ điện Trần Phú	18.297.344.520	19.476.146.147
- Công ty CP Công nghiệp Thiên Phú Việt Nam	80.763.780	133.487.082
- Công ty CP Đầu tư Trúc Bạch	60.275.800	60.275.800
- Công ty CP đầu tư v XD Bưu điện( PTIC)	1.948.723.578	1.948.723.578
- Công ty CP Đầu tư, xây dựng và viễn thông Thăng Long	-	174.240.000
- Công ty CP ĐT & PT XD Trường Thành	-	42.262.885
- Công ty CP IFO Đầu tư phát triển Công Nghệ	-	10.530.509
- Công ty CP Intop	355.800	
- Công ty CP Tập đoàn CN Thiên Phú	25.983.083.986	25.981.373.706
- Công ty CP Thi công cơ giới & Đầu tư xây dựng -VIMCC	567.556.615	817.556.615
- Công ty CP Thông tin - Truyền thông (MIC)	840.926.811	840.926.811
- Công ty CP Thương mại và tin học Việt Cường	27.462.600	27.462.600
- Công ty CP Tích hợp hệ thống CTS	-	29.391.740
- Công ty CP TIPHA	129.880.448	129.880.448
- Công ty CP TM và DV Bảo An	39.174.920	1.103.786.247
- Công ty CP Viễn thông Thăng Long	1.283.021.717	1.283.021.717
- Công ty TNHH Bách Thông	2.507.963.138	2.507.963.138
- Công ty TNHH cp điện SH-VINA	-	25.489.696
- Công ty TNHH đầu tư PT công nghệ An Ninh	-	48.636.506
- Công ty TNHH Dây và cáp điện LuckySun	3.591.705.729	11.572.587.952
- Công ty TNHH Điện tử và Phát Triển Công Nghệ Đại Thành	-	3.700.400
- Công ty TNHH Ngân Xuyên	289.194.145	-
- Công ty TNHH TM & SX An Phú Thịnh	23.392.071	1.927.504.321
- Công ty TNHH TM và XNK Cali	-	15.538.000
- Xí nghiệp 108 - Công ty cổ phần xây dựng số 2	-	27.636.980

**3.2- Trả trước cho người bán**

<b>3.2- Trả trước cho người bán</b>	<b>700.000.000</b>	<b>2.211.318.902</b>
- Công ty TNHH Cường Hưng	700.000.000	700.000.000
- Công ty CP bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp		1.430.000
- Công ty CP đầu tư & Dịch vụ Thương mại Nam Việt		5.500.000
- QINGDAO HENGBOYUAN CHEMICAL CO.,LTD		8.380.000
- Công ty TNHH TMDV Tân Việt Kim		362.145.270
- Glencore international AG		1.133.863.632

**3.3- Phải thu khác**

<b>3.3- Phải thu khác</b>	<b>7.885.946.162</b>	<b>1.915.268.668</b>
- Nguyễn Trung Hà	1.000.000.000	1.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

- Lãi tiền gửi (NH TMCP Công thương - CN Hải Dương)	455.502.058	188.825.000
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Mỹ Đình)	70.000.000	62.925.000
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng Techcombank Chương Dương)	4.343.889.167	587.026.668
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng BIDV Hải Dương)	884.266.667	76.492.000
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng SHB- Hội sở)	179.293.472	
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng)	842.351.389	
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng Nam Việt - CN Hà Nội)	80.052.389	
- Lãi tiền gửi (Ngân hàng Đại Chúng Việt Nam - Hội sở)	11.575.111	
- Tiền BHXH nộp thừa	19.015.909	
<b>Cộng</b>	<b>64.519.686.177</b>	<b>72.921.610.684</b>

**4. HÀNG TỒN KHO****4.1- Giá gốc hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	44.435.898.160	62.100.623.636
- Công cụ, dụng cụ		74.767.000
- Chi phí SX KD DD	1.504.222.858	1.436.926.119
- Thành phẩm tồn kho	31.670.421.912	34.473.630.495
- Hàng hóa	59.290.523.862	86.261.157.914

**4.2- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

<b>Cộng</b>	<b>136.901.066.792</b>	<b>184.347.105.164</b>
-------------	------------------------	------------------------

**5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC****5.1- Chi phí trả trước ngắn hạn**

<b>5.2- Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>129.825.515</b>	<b>4.529.355.521</b>
-------------------------------------	--------------------	----------------------

- Thuế GTGT được khấu trừ	129.825.515	
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		4.529.355.521

<b>5.3- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>5.618.318.915</b>	<b>5.316.694.836</b>
-----------------------------------	----------------------	----------------------

<i>*Tạm ứng</i>	<i>3.300.000</i>	<i>59.065.900</i>
-----------------	------------------	-------------------

- Trần Đăng Tùng	1.000.000	
------------------	-----------	--

- Ngô Hồng Quân	1.300.000	
-----------------	-----------	--

- Trịnh Viết Huyền	1.000.000	
--------------------	-----------	--

- Hồ Đức Thành		20.000.000
----------------	--	------------

- Ngô Kim Loan		400.000
----------------	--	---------

- Đỗ Văn Bích		2.666.000
---------------	--	-----------

- Nguyễn Ngọc Vương		1.000.000
---------------------	--	-----------

- Lê Phương Thảo		1.500.000
------------------	--	-----------

- Nguyễn Thị Thanh Hường		10.000.000
--------------------------	--	------------

- Trần Văn Tuấn		11.000.000
-----------------	--	------------

- Nguyễn Văn Quân		2.000.000
-------------------	--	-----------

- Nguyễn Đình Nhân		2.000.000
--------------------	--	-----------

- Nguyễn Thị Thanh Hải		8.499.900
------------------------	--	-----------

<i>* Các khoản ký quỹ</i>	<i>5.615.018.915</i>	<i>5.257.628.936</i>
---------------------------	----------------------	----------------------

- Ký quỹ ngắn hạn tại Techcombank -Hội Sở chính (# 266,343.44 USD)	5.612.522.140	5.255.162.380
--	---------------	---------------

- Ký quỹ ngắn hạn tại VCB Hải Dương ( # 118.56 USD)	2.496.775	2.466.556
---	-----------	-----------

<b>Cộng</b>	<b>13.612.891.191</b>	<b>16.661.531.369</b>
-------------	-----------------------	-----------------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

**6. TẶNG GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

KHOẢN MỤC	Máy móc thiết bị	Nhà cửa vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ QL	Phương tiện vận tải	TSCĐHH khác	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1 Số dư đầu năm	89.997.898.412	18.796.914.404	251.246.417	3.772.069.258		112.818.128.491
2 Số tăng trong năm	2.431.471.078		132.556.637	325.455.000		2.889.482.715
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm	2.173.490.998		132.556.637	325.455.000		2.631.502.635
- Đầu tư XDCB hoàn thành	257.980.080					257.980.080
- Tặng khác						
3 Số giảm trong năm	234.525.184	42.825.469	167.998.235	13.454.545		458.803.433
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	234.525.184	42.825.469	167.998.235	13.454.545		458.803.433
- Giảm khác						
4 Số dư cuối năm	92.194.844.306	18.754.088.935	215.804.819	4.084.069.713		115.248.807.773
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>						
1 Số dư đầu năm	40.291.465.318	5.225.826.626	121.207.414	1.742.116.495		47.380.615.853
2 Số tăng trong năm	6.866.589.396	764.942.958	64.393.849	377.890.269		8.073.816.471
- Khấu hao trong năm	6.866.589.396	764.942.958	64.393.849	377.890.269		8.073.816.471
- Tăng khác						
3 Số giảm trong năm	158.403.539	21.397.074	97.547.262	3.699.993		281.047.868
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	158.403.539	21.397.074	97.547.262	3.699.993		281.047.868
- Giảm khác						
4 Số dư cuối năm	46.999.651.175	5.969.372.510	88.054.001	2.116.306.771		55.173.384.456
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1 Tại ngày đầu năm	49.706.433.094	13.571.087.778	130.039.003	2.029.952.763		65.437.512.638
2 Tại ngày cuối năm	45.195.193.132	12.784.716.425	127.750.818	1.967.762.943		60.075.423.317

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 53.922.533.060 đồng, trong đó:

+ Ngân hàng Đầu tư Phát triển - CN Hải Dương: 39.818.291.487 (đồng)

+ Ngân hàng CPTM Quân đội - CN Mỹ Đình: 4.497.159.754 (đồng)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỞNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

+ Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Hải Dương: 9.607.081.819 (đồng)

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 264.191.039 đồng.

**7. TẶNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

KHOẢN MỤC	Quyền sử dụng đất	Quyền phát minh	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐVH	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1 Số dư đầu năm	5.723.202.000			44.500.000	5.767.702.000
2 Số tăng trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm					
- Tặng khác					
3 Số giảm trong năm				44.500.000	44.500.000
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán				44.500.000	44.500.000
- Giảm khác	5.723.202.000				5.723.202.000
4 Số dư cuối năm					
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>					
1 Số dư đầu năm	849.280.657			42.861.107	892.141.764
2 Số tăng trong năm	121.770.252			1.638.893	123.409.145
- Khấu hao trong năm	121.770.252			1.638.893	123.409.145
- Tặng khác					
3 Số giảm trong năm				44.500.000	44.500.000
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán				44.500.000	44.500.000
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	971.050.909				971.050.909
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1 Tại ngày đầu năm	4.873.921.343				4.875.560.236
2 Tại ngày cuối năm	4.752.151.091			1.638.893	4.752.151.091

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư Phát triển - CN Hải Dương: 4.752.151.091 đồng



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG</b>		
- Sửa chữa TSCĐ	610.442.581	
<b>Cộng</b>	<b>610.442.581</b>	
<b>9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>		
- Công ty CP Đầu tư Thủy Điện Miền Trung VN	175.000.000	175.000.000
<b>Cộng</b>	<b>175.000.000</b>	<b>175.000.000</b>
<b>10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC</b>		
<b>10.1- Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.725.436.310</b>	<b>876.677.208</b>
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.719.797.977	876.677.208
- Phần mềm kế toán	5.638.333	
<b>Cộng</b>	<b>1.725.436.310</b>	<b>876.677.208</b>
<b>11. NỢ NGẮN HẠN</b>		
<b>11.1- Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>188.276.785.336</b>	<b>218.939.050.614</b>
- Vay ngắn hạn VNĐ- VIB Long Biên		9.968.044.605
- Vay ngắn hạn VNĐ- BIDV Hải Dương		70.259.880.066
- Vay ngắn hạn VNĐ- MB Mỹ Đình	32.696.119.526	39.999.994.893
- Vay ngắn hạn VNĐ- TCB Chương Dương	63.000.000.000	14.926.289.383
- Vay ngắn hạn VNĐ- Vietinbank Hải Dương	73.080.665.810	31.813.300.000
- Vay ngắn hạn VNĐ- VP Bank	19.500.000.000	
- Vay ngắn hạn Ngoại tệ- TCB Chương Dương		44.877.247.210
- Vay ngắn hạn Ngoại tệ- VIBank CN Long Biên		7.094.294.457
<b>11.2- Phải trả người bán</b>	<b>341.612.192.333</b>	<b>134.924.470.084</b>
- BHP Billiton Marketing AG (Singapore branch)		100.282.519.050
- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ kho vận A+		49.500.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Quang		3.590.162
- Công ty CP Dây và ống đồng Trần Phú	120.000.000	
- Công ty TNHH 3H Vinacom	1.086.800.000	
- Công ty CP Tư vấn và DV Kinh doanh Việt		34.650.000
- Công ty CP Vật tư Xăng dầu Hải Dương	367.341.432	31.649.256
- Công ty TM& VT Hàng Mạnh Long	233.134.536	79.946.823
- Công ty TNHH TM và Dịch Vụ vận tải Duyên Hải		13.800.000
- Công ty TNHH Đông Vũ	137.605.600	258.647.739
- Công ty TNHH Ngân Xuyên		46.474.340
- Công ty TNHH sản xuất xây lắp Thái Hưng	49.822.750	49.822.750
- Daewoo International Corporation (#16,116,620.62 USD)	339.617.488.015	34.073.869.964

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

<b>11.3- Người mua trả tiền trước</b>	<b>9.722.562.025</b>	<b>6.800.970.197</b>
- Công ty CP dây cáp truyền hình Việt Nam		1.000.000
- Công ty CP dây và cáp điện Hàn Quốc		5.217.475
- Công ty CP Thương mại và Kỹ thuật A.C.T		17.300.000
- Công ty TNHH Đông Vũ		3.189.287.521
- Công ty TNHH SXTM & XNK Lựa Tuyệt	229.463.825	352.937.693
- Công ty TNHH thiết bị tin học Huy Anh		27.636.980
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Việt Kim	9.493.098.200	3.207.590.528
<b>11.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>80.346.198</b>	<b>4.991.177.193</b>
- Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp	80.346.198	63.838.408
- Thuế Thu nhập Cá nhân		135.000
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		4.529.355.521
- Thuế GTGT đầu ra phải nộp		397.848.264
<i>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</i>		
<b>11.5- Phải trả người lao động</b>	<b>235.337.456</b>	<b>228.951.010</b>
<b>11.6- Chi phí phải trả</b>	<b>191.019.150</b>	<b>203.600.670</b>
<b>11.7- Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>4.368.238.492</b>	<b>1.181.610.300</b>
- Các cổ đông phổ thông	1.076.137.400	1.181.610.300
- Lê Thanh Sơn	3.292.101.092	
<b>11.8- Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>176.780.064</b>	<b>302.480.064</b>
<b>Cộng</b>	<b>544.663.261.054</b>	<b>367.572.310.132</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	1	2	3	4	5	6	7
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>(75.000.000)</b>	<b>(416.649.972)</b>	<b>3.327.614.600</b>	<b>1.273.657.449</b>	<b>3.180.735.374</b>	<b>107.290.357.451</b>
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước			453.706.775		160.000.000	187.158.527	187.158.527
Tăng khác							613.706.775
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước							
Giảm khác			37.056.803			3.157.900.000	3.194.956.803
<b>Số dư cuối năm trước.</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>(75.000.000)</b>		<b>3.327.614.600</b>	<b>1.433.657.449</b>	<b>209.993.901</b>	<b>104.896.265.950</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>							
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay						621.612.196	621.612.196
Tăng khác							
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay							
Giảm khác(*)							
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>(75.000.000)</b>		<b>3.327.614.600</b>	<b>1.433.657.449</b>	<b>831.606.097</b>	<b>105.517.878.146</b>

0305011  
CÔNG  
TRÁCH NHIỆM  
DỊCH VỤ T  
ÀI CHÍNH K  
VÀ KIỂM T  
PHÍA NA  
01  
TP. HỒ

48 - C  
TY  
IẢN  
PHÚ  
HẢI D

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm 2013		
	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước			
- Vốn góp của các đối tượng khác	100%	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>			
<b>Vốn đầu tư của chủ SH</b>		<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
- Vốn góp đầu năm		100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm			
- Vốn góp giảm trong năm			
- Vốn góp cuối năm		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia			2.243.018.200
<b>d) Cổ phiếu</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông		10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi			
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		7.500	7.500
+ Cổ phiếu phổ thông		7.500	7.500
+ Cổ phiếu ưu đãi			
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông		9.992.500	9.992.500
+ Cổ phiếu ưu đãi			
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP			
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>		<b>4.761.272.049</b>	<b>4.761.272.049</b>
- Quỹ đầu tư phát triển		3.327.614.600	3.327.614.600
- Quỹ dự phòng tài chính		1.433.657.449	1.433.657.449
- Quỹ khác thuộc vốn CSH			
<b>13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng		645.278.538.062	176.836.196.213
- Doanh thu bán thành phẩm		430.539.878.893	322.005.728.294
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		4.973.447.614	14.925.119.237
<b>Cộng</b>		<b>1.080.791.864.569</b>	<b>513.767.043.744</b>
<b>14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>		<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
+ Chiết khấu thương mại			
+ Giảm giá hàng bán			
+ Hàng bán trả lại			
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt			
+ Thuế xuất khẩu			
<b>Cộng</b>			
<b>15. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
- Doanh thu thuận trao đổi sản phẩm, hàng hóa		641.154.950.919	176.836.196.213
- Doanh thu thuận trao đổi sản phẩm, hàng hóa		437.163.444.444	322.005.728.294
- Doanh thu thuận trao đổi dịch vụ		4.587.143.519	14.925.119.237
<b>Cộng</b>		<b>1.082.905.538.882</b>	<b>513.767.043.744</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

	Số năm nay	Số năm trước
<b>16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	641.154.950.919	174.149.314.803
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	437.163.444.444	320.247.815.404
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.587.143.519	10.672.532.399
<b>Cộng</b>	<b>1.082.905.538.882</b>	<b>505.069.662.606</b>
<b>17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
- Lãi tiền vay, tiền gửi	21.822.427.921	4.006.899.229
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	96.518.346	513.031.866
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		271.742.049
- Lãi bán hàng trả chậm	184.912.294	2.749.607.945
<b>Cộng</b>	<b>22.103.858.561</b>	<b>7.541.281.089</b>
<b>18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
- Lãi tiền vay	8.412.549.580	8.979.329.895
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.820.835.221	2.234.451.778
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	603.849.793	
- Chi phí khác (bảo lãnh, bảo hiểm)		
<b>Cộng</b>	<b>12.837.234.594</b>	<b>11.213.781.673</b>
<b>19. THU NHẬP KHÁC</b>		
- Thanh lý công cụ dụng cụ	96.500.000	96.500.000
- Thu nhập khác	468	5.915.314
<b>Cộng</b>	<b>96.500.468</b>	<b>102.415.314</b>
<b>20. CHI PHÍ KHÁC</b>		
- Giá trị còn lại của TS thanh lý		30.442.844
- Lãi chậm nộp thuế GTGT	16.589.787	116.760.480
- Chi phí khác	40.777.011	1.250.490
<b>Cộng</b>	<b>57.366.798</b>	<b>148.453.814</b>
<b>21. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH</b>		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	80.346.198	49.665.756
<b>Cộng</b>	<b>80.346.198</b>	<b>49.665.756</b>
<b>22. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ</b>		
<b>a- Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>701.958.394</b>	<b>236.824.283</b>
<b>b- Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>144.157.588</b>	<b>555.056.754</b>
- Chi phí không hợp lệ	123.382.598	127.460.480
- Lỗ do đánh giá CLTG cuối năm	20.774.990	427.596.274
<b>c- Các khoản điều chỉnh giảm</b>		
- Chênh lệch lỗ tỷ giá đánh giá lại khoản công nợ phải trả		
<b>d- Tổng thu nhập chịu thuế ( d=a+b-c)</b>	<b>846.115.982</b>	<b>791.881.037</b>
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	749.615.982	725.823.881
+ Các khoản thu nhập khác	96.500.000	66.057.156
<b>e-Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>136.567.397</b>	<b>125.387.871</b>
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	112.442.397	108.873.582
+ Các khoản thu nhập khác	24.125.000	16.514.289
<b>f- Thuế TNDN được miễn giảm</b>	<b>56.221.199</b>	<b>75.722.115</b>
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	56.221.199	70.767.828
+ Các khoản thu nhập khác		4.954.287
<b>g- Thuế TNDN còn phải nộp</b>	<b>80.346.198</b>	<b>49.665.756</b>
<b>h- Lợi nhuận sau thuế TNDN ( h=a-g)</b>	<b>621.612.196</b>	<b>187.158.527</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	Số năm nay	Số năm trước
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	621.612.196	187.158.527
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm		
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	621.612.196	187.158.527
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.992.500	9.992.500
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	62,21	18,73
<b>24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>	<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	630.725.114.536	644.965.772.953
- Chi phí nhân công	3.734.959.799	3.576.711.731
- Chi phí khấu hao TSCĐ	8.197.225.616	9.503.722.040
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	267.234.390	125.440.534
- Chi phí bằng tiền khác	1.241.675.949	884.292.146
<b>Cộng</b>	<b>644.166.210.290</b>	<b>659.055.939.404</b>
<b>25. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	100.000.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>10.000.000</b>

**26. THÔNG TIN BỔ SUNG**

26.1- Giao dịch với các bên có liên quan:

*Trong năm 2013, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan như sau:*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
- Lê Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	Công ty mượn tiền Công ty trả tiền	6.792.101.092 3.500.000.000

*Tại ngày 31/12/2013, số dư của các khoản phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:*

<b>Công nợ phải thu</b>		Số cuối năm	Số đầu năm
- Ông Nguyễn Trung Hà	Thành viên HĐQT	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>Công nợ phải trả</b>		Số cuối năm	Số đầu năm
- Ông Lê Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	3.292.101.092	
<b>Cộng</b>		<b>3.292.101.092</b>	

387  
 NG  
 PH  
 ĐỒNG  
 HANG-T  
 0305011  
 CÔNG  
 TRÁCH NHIỆM  
 DỊCH VỤ T  
 TÀI CHÍNH K  
 VÀ KIỂM  
 PHÍA N  
 TP. HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

**26.2- Báo cáo bộ phận****26.2.1- Báo cáo bộ phận:** Bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.**a- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:** Lĩnh vực kinh doanh gồm sản xuất, kinh doanh dây đồng, các sản phẩm dây và cáp, gia công dây đồng, dây cáp.**b- Bộ phận theo khu vực địa lý:** Hải Dương và Hà Nội**26.2.2- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Chỉ tiêu	Hoạt động sản xuất	Hoạt động kinh doanh	Hoạt động gia công	Tổng
<b>A- Kết quả</b>				
<b>1- Doanh thu thuần</b>	430.539.878.893	645.278.538.062	4.973.447.614	1.080.791.864.569
<b>2- Chi phí</b>	430.057.409.509	645.497.263.349	4.574.366.986	1.080.129.039.845
- Giá vốn hàng bán ra	431.163.444.444	647.154.950.919	4.587.143.519	1.082.905.538.882
- Chi phí quản lý	2.184.090.810	3.273.441.076	25.229.861	5.482.761.747
- Chi phí bán hàng	401.289.126	601.438.504	4.635.553	1.007.363.183
- Hoạt động tài chính	(3.691.414.870)	(5.532.567.150)	(42.641.946)	(9.266.623.967)
+ <i>Chi phí tài chính</i>	5.113.788.888	7.664.372.987	59.072.719	12.837.234.594
+ <i>Thu nhập tài chính</i>	8.805.203.758	13.196.940.137	101.714.665	22.103.858.561
<b>3- Lợi nhuận thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	482.469.384	(218.725.287)	399.080.628	662.824.724
<b>B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận</b>	259.003.530.750	388.185.689.338	2.991.919.112	650.181.139.200
<b>C- Nợ phải trả của bộ phận</b>	216.969.855.288	325.187.045.120	2.506.360.646	544.663.261.054
<b>D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ</b>	1.151.042.656	1.725.143.613	13.296.446	2.889.482.715
<b>E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước</b>	4.565.330.170	6.842.361.701	52.737.113	11.460.428.985
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	3.265.413.665	4.894.091.023	37.720.928	8.197.225.616
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước	1.299.916.505	1.948.270.678	15.016.185	3.263.203.369



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

**26.2.3- Công cụ tài chính****a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị số sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2013	Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2013	Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2013	Ngày 31/12/2012
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	91.578.625.074	110.211.578.783			91.578.625.074	110.211.578.783
- Phải thu của khách hàng	55.933.740.015	68.795.023.114			55.933.740.015	68.795.023.114
- Phải thu ngắn hạn khác	7.885.946.162	1.915.268.668			7.885.946.162	1.915.268.668
<b>Cộng</b>	<b>155.398.311.251</b>	<b>180.921.870.565</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>155.398.311.251</b>	<b>180.921.870.565</b>

	Giá trị số sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2013	Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2013	Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2013	Ngày 31/12/2012
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ ngắn hạn	188.276.785.336	218.939.050.614			188.276.785.336	218.939.050.614
- Phải trả người bán	134.924.470.084	44.519.016.348			134.924.470.084	44.519.016.348
- Chi phí phải trả	203.600.670	203.600.670			203.600.670	203.600.670
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	4.368.238.492	1.181.610.300			4.368.238.492	1.181.610.300
<b>Cộng</b>	<b>327.773.094.582</b>	<b>264.843.277.932</b>			<b>327.773.094.582</b>	<b>264.843.277.932</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

**b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phân ảnh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### b.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty có ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ do việc mua nguyên vật liệu được thực hiện bằng việc nhập khẩu, nhưng đầu ra bán hàng được thực hiện bằng đồng Việt nam và có đảm bảo bằng đồng ngoại tệ tại thời điểm bán hàng và xác định công nợ nên việc rủi ro về tỷ giá ngoại tệ được bù đắp.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất thấp và có định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thường áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

#### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

### b.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Các khách hàng của công ty chủ yếu là các Công ty có khả năng tài chính ổn định, những khách hàng nhỏ, lẻ việc thanh toán theo phương thức thanh toán ngay trước khi giao hàng, ngoại trừ có một số khách hàng có mối quan hệ truyền thống lâu năm trong ngành dây và cáp Công ty có áp dụng cho thanh toán trả chậm có gói đầu.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đôn đốc thu hồi. Trong năm không phát sinh các khoản phải thu khó đòi. Tuy nhiên cũng có một số công ty phát sinh công nợ từ những năm trước đó là các khoản lãi phát sinh do chậm thanh toán, đến nay vẫn chưa đòi được vì các đối tác đó thay đổi ban lãnh đạo, các khoản thu này được xác định là rất khó đòi được trong năm nay, có thể sẽ phải dùng các biện pháp mạnh hơn thì mới thu hồi được.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### b.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ**

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

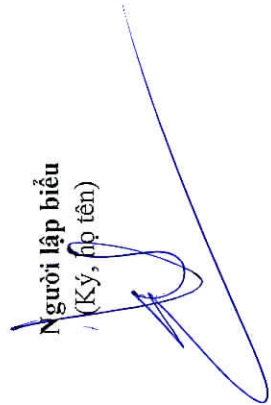
Năm 2013

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

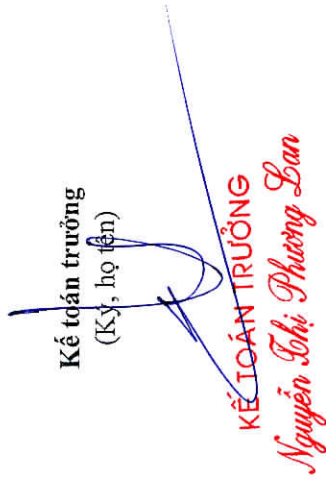
**26.3- Số liệu so sánh**

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2013 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
*Nguyễn Thị Phương Lan*

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lê Thanh Sơn*

